

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN
ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.178.310.780	139.860.037.900
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.194.735.593	45.478.886.007
1. Tiền	111		15.991.897.493	27.178.901.407
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.202.838.100	18.299.984.600
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.936.184.599	87.250.721.631
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	75.869.352.812	57.910.868.105
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	126.000.000	28.172.423.399
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	2.995.161.787	1.221.760.127
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(54.330.000)	(54.330.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.047.390.588	7.130.430.262
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	621.037.488	389.959.441
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.426.353.100	5.616.344.109
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.124.126.712
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		789.628.021.967	646.688.978.258
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		390.000.000	390.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	390.000.000	390.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		548.230.490.945	354.220.205.824
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	548.154.810.400	354.122.368.611
Nguyên giá	222		663.281.686.254	451.000.539.523
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(115.126.875.854)	(96.878.170.912)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	75.680.545	97.837.213
Nguyên giá	228		284.504.400	284.504.400
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(208.823.855)	(186.667.187)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	515.000.000	105.014.403.667
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		515.000.000	105.014.403.667
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	32.838.210.000	32.176.825.600
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.400.000.000	20.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.200.000.000	7.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.238.210.000	5.238.210.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(661.384.400)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		207.654.321.022	154.887.543.167
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	207.654.321.022	154.887.543.167
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		900.806.332.747	786.549.016.158

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		666.225.122.112	540.015.463.558
I. Nợ ngắn hạn	310		198.598.824.863	147.704.424.647
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	86.302.254.538	57.929.353.312
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	20.722.069	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	3.360.634.507	316.752.299
4. Phải trả người lao động	314		8.894.178.831	12.091.256.596
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	8.235.976.836	5.215.212.247
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	27.000.000	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	19.963.795.760	7.756.559.410
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	66.384.404.000	61.214.000.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	5.409.858.322	3.181.290.783
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		467.626.297.249	392.311.038.911
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	127.000.192.898	92.502.866.098
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	121.910.119.350	121.480.281.390
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	218.715.985.001	178.327.891.423
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		234.581.210.635	246.533.552.600
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	234.581.210.635	246.533.552.600
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.000.000.000	187.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.000.000.000	187.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.328.835.272	7.953.580.064
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.252.375.363	51.579.972.536
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.898.295.598	2.411.604.486
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.354.079.765	49.168.368.050
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		900.806.332.747	786.549.016.158

Người lập biểu



Lê Quỳnh Quang

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Khiêm



Phạm Văn Long

Lập ngày 15 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: VND)

Quý II năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.024.648.806	63.414.156.130	118.530.618.299	115.619.047.222
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.024.648.806	63.414.156.130	118.530.618.299	115.619.047.222
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	38.313.398.009	31.634.651.885	71.871.509.141	62.404.432.884
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.711.250.797	31.779.504.245	46.659.109.158	53.214.614.338
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.939.271.912	361.421.175	2.269.646.995	618.189.535
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.760.961.570	4.639.421.602	10.259.559.231	8.462.420.908
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.322.878.911	5.011.922.618	10.417.873.450	8.818.650.718
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	135.495.000	57.881.030	329.284.000	373.447.940
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.170.815.768	5.567.904.560	10.014.562.565	9.606.063.781
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.583.250.371	21.875.718.228	28.325.350.357	35.390.871.244
11. Thu nhập khác	31	VI.7	570.001	4.545.555	570.346	4.545.555
12. Chi phí khác	32	VI.8	77.469.001	31.731.500	101.745.099	58.905.500
13. Lợi nhuận khác	40		(76.899.000)	(27.185.945)	(101.174.753)	(54.359.945)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.506.351.371	21.848.532.283	28.224.175.604	35.336.511.299
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.13	2.626.833.788	4.769.735.292	5.870.095.839	7.743.068.955
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10.879.517.583	17.078.796.991	22.354.079.765	27.593.442.344
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.9	-	-	-
19. Lợi suy giảm trên cổ phiếu	71	V1.9	-	-	-

Người lập biểu

Lê Quỳnh Quang

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Khiêm



Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2015

Giám đốc

Phạm Văn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	28.224.175.604	35.336.511.299
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	18.181.153.564	11.906.752.462
- Các khoản dự phòng	03	(661.384.400)	(373.120.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	328.007.019	(13.068.083)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.922.171.859)	(491.760.522)
- Chi phí lãi vay	06	10.417.873.450	8.818.650.718
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	54.567.653.378	55.183.965.874
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(22.057.463.701)	(6.827.227.437)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	62.458.510.761	37.558.875.445
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(52.997.855.902)	1.670.055.942
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.467.848.978)	(8.779.090.568)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.373.962.217)	(7.067.501.578)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.032.935.351)	(1.367.455.145)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	23.096.097.990	70.371.622.533
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(74.629.971.981)	(99.146.146.223)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(7.200.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	569.270.042	591.613.760
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(74.060.701.939)	(105.754.532.463)

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	70.565.497.578	67.024.103.101
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(25.007.000.000)	(18.317.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(18.918.789.206)	(24.271.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	26.639.708.372	24.436.103.101
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(24.324.895.577)	(10.946.806.829)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	45.478.886.007	66.002.978.827
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	40.745.163	186.130.183
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 V.1	21.194.735.593	55.242.302.181

Người lập biểu



Lê Quỳnh Quang

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Khiêm

Lập, ngày 15 tháng 8 năm 2015

Giám đốc



Phạm Văn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ kho bãi.

3. Ngành nghề kinh doanh

Xếp dỡ hàng hóa, container; đại lý giao nhận hàng hóa; vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; dịch vụ phân loại, lưu trữ và đóng gói hàng hóa, đóng gói hàng container; kinh doanh kho bãi.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long có trụ sở chính tại G243 Bùi Văn Hòa, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là cho thuê kho bãi, lưu trữ hàng hóa; vận tải hàng hóa; bốc xếp hàng hóa, đóng gói hàng hóa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Long Bình có trụ sở chính tại G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là Kinh doanh dịch vụ Logistics, kinh doanh vận tải đa phương thức. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 188 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 186 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được theo mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa thể hiện chi phí bù lún, san lấp ban đầu cho phần đất Công ty đang sử dụng. Chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại tính từ thời điểm hoàn thành công tác bù lún, san lấp đến thời điểm hết thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ảnh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc

Máy móc và thiết bị

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Tài sản cố định khác

Số năm

7 – 20

3 – 7

7

3

3

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm:

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm: các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	28.129.214	68.906.099
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.963.768.279	27.109.995.308
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	5.202.838.100	18.299.984.600
Cộng	21.194.735.593	45.478.886.007

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long ^(a)	20.400.000.000	20.400.000.000	20.400.000.000	20.400.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình ^(a)	7.200.000.000	7.200.000.000	7.200.000.000	7.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Ngân hàng						
TMCP Quân đội (iii)	5.238.210.000		5.275.577.600	5.238.210.000	(661.384.400)	4.680.960.000
Cộng	32.838.210.000		32.875.577.600	32.838.210.000	(661.384.400)	32.176.825.600

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3602427771 ngày 24 tháng 12 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long 20.400.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3603131791 ngày 04 tháng 01 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty góp đủ số vốn đã cam kết, tương đương 36% vốn điều lệ.
- (iii) Công ty đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị 5.238.210.000 VND tương ứng với 349.376 cổ phần.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(661.384.400)	(930.370.000)
Trích lập dự phòng bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng	661.384.400	373.120.000
Số cuối kỳ		(557.250.000)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long		
Cung cấp dịch vụ trong kỳ	215.255.804	175.242.642
Dịch vụ cho thuê kho dài hạn	468.033.798	468.033.798
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	6.750.000	1.063.010.524
Cổ tức được chia	1.632.000.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Long Bình		
Góp vốn vào Công ty liên kết		7.200.000.000
Cung cấp dịch vụ trong kỳ	43.876.700	
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	5.637.400.846	

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	12.294.876.917	3.297.697.030
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	10.358.388.825	2.647.647.504
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	34.737.177	51.852.718
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	7.045.800	18.502.995
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	1.882.511.950	478.632.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	3.116.608	8.989.531
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	660.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung		87.470.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Long Bình	8.416.557	4.602.282
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	63.574.475.895	54.613.171.075
Công ty Global Home, K.S.	12.152.007.563	7.083.445.480
Công ty TNHH Pacorini Việt Nam	16.418.602.258	18.499.421.590
Công ty TNHH Tiến Nga	15.730.346.250	16.495.309.407
Các khách hàng khác	19.273.519.824	12.534.994.598
Cộng	75.869.352.812	57.910.868.105

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	126.000.000	28.172.423.399
Công ty Cổ phần An Thịnh Sài Gòn		20.987.676.388
Liên doanh Cargotec – Unico Vina		6.426.472.500
Công ty Cổ phần Phần mềm Giải pháp Quản lý Mã vạch	126.000.000	
Các nhà cung cấp khác		758.274.511
Cộng	126.000.000	28.172.423.399

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.634.318.154		264.303.200	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn			264.303.200	
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia từ cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quân đội</i>			244.563.200	
<i>Các khoản chi hộ</i>			19.740.000	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long – Cổ tức được chia	1.632.000.000			

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản chi hộ Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Long Bình	2.318.154			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.360.843.633		977.196.927	
Dự thu lãi tiền gửi có hạn hạn dưới 3 tháng			34.534.983	
Ký cược, ký quỹ	3.850.000		3.850.000	
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.345.970.375		917.957.560	
Các khoản chi hộ	9.908.972			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.114.286		1.114.384	
Cộng	2.995.161.787		1.221.760.127	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	390.000.000		390.000.000	
Ký cược, ký quỹ	390.000.000		390.000.000	
Cộng	390.000.000		390.000.000	

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan						
Các tổ chức và cá nhân khác						
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện – Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	5.010.000		Trên 03 năm	5.010.000	
Công ty TNHH Phát triển Sản xuất Hàng gia dụng và Công nghiệp – Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	49.320.000		Trên 03 năm	49.320.000	
Cộng		54.330.000			54.330.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(54.330.000)		(54.330.000)
Trích lập dự phòng bổ sung			
Hoàn nhập dự phòng			
Số cuối kỳ	(54.330.000)		(54.330.000)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	238.947.494	381.768.252
Chi phí sửa chữa	382.089.994	8.191.189
Cộng	621.037.488	389.959.441

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	237.383.669	384.981.671
Chi phí thuê đất	195.559.155.086	143.261.805.488
Chi phí sửa chữa	11.857.782.267	11.240.756.008
Cộng	207.654.321.022	154.887.543.167

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	407.384.051.427	456.350.400	39.871.949.019	2.049.114.477	1.239.074.200	451.000.539.523
Mua trong kỳ		79.096.000	54.396.901.844			54.475.997.844
Đầu tư XDCB hoàn thành						157.805.148.887
Thanh lý, nhượng bán	157.805.148.887					
Số cuối kỳ	565.189.200.314	535.446.400	94.268.850.863	2.049.114.477	1.239.074.200	663.281.686.254
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	263.250.000	74.417.650		1.675.178.477	1.239.074.200	3.251.920.327
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	64.901.916.444	175.442.400	28.714.972.727	1.853.423.481	1.232.415.860	96.878.170.912
Khấu hao trong kỳ	13.564.815.518	74.830.170	4.450.225.754	62.467.114	6.658.340	18.158.996.896
Khấu hao TSCĐ hình thành từ quỹ phúc lợi	89.708.046					
Thanh lý, nhượng bán						89.708.046
Số cuối kỳ	78.556.440.008	250.272.570	33.165.198.481	1.915.890.595	1.239.074.200	115.126.875.854
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	342.482.134.983	280.908.000	11.156.976.292	195.690.996	6.658.340	354.122.368.611
Số cuối kỳ	486.632.760.306	285.173.830	61.103.652.382	133.223.882		548.154.810.400

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 529.057.642.892 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Biên Hòa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

Là phẩm mềm quản lý:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	284.504.400	186.667.187	97.837.213
Mua sắm trong kỳ			
Khấu hao trong kỳ		22.156.668	(22.156.668)
Số cuối kỳ	284.504.400	208.823.855	75.680.545

Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 151.564.400 VND.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	524.759.000	54.466.238.844	(54.475.997.844)	515.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	104.489.644.667	53.315.504.220	(157.805.148.887)	
Công trình Kho hàng quản chấp và sân bãi bãi quanh kho hàng quản chấp	69.696.579.051	4.560.261.654	(74.256.840.705)	
Kho hàng số 14 và sân bãi quanh kho hàng số 14		41.727.055.275	(41.727.055.275)	
Công trình Kho hàng số 13 và bãi quanh kho số 13	34.793.065.616	5.973.939.838	(40.767.005.454)	
Nhà để xe cơ giới		907.905.855	(907.905.855)	
Mãi vòm che nhà bảo vệ cổng		45.454.545	(45.454.545)	
Văn phòng khu dịch vụ		100.887.053	(100.887.053)	
Cộng	105.014.403.667	107.781.743.064	(212.281.146.731)	515.000.000

11. Phải trả người bán ngắn hạn**11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	70.812.665.595	46.011.725.734
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	68.771.112.475	42.868.718.619
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long		59.394.427
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	439.537.922	489.278.041
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	109.994.500	152.357.550
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	62.014.468	187.636.397
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Long Bình	1.430.006.230	2.254.340.700
Phải trả các nhà cung cấp khác	15.489.588.943	11.917.627.578
Công ty TNHH Kỹ nghệ Kiên Định		2.236.756.885

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH An Trung Phát	2.405.452.858	2.192.978.223
Công ty Cổ phần Vận tải Xếp dỡ Hai Hai Mười Hai	2.112.365.237	1.714.101.518
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Lục Phát	985.574.300	1.515.694.000
Công ty Cổ phần An Thịnh Sài Gòn	3.978.491.834	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Châu Á Thái Bình Dương (TPHN)	1.818.926.188	1.173.668.750
Các nhà cung cấp khác	4.188.778.526	3.084.428.202
Cộng	86.302.254.538	57.929.353.312

11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>	<i>20.864.324</i>	<i>20.864.324</i>
Bà Bùi Thị Thơm	20.438.692	20.438.692
Công ty TNHH Huynhdai Merchante Marine	425.632	425.632
Cộng	20.864.324	20.864.324

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>20.722.069</i>	
Công ty cổ phần Hai Hai Mười Hai	4.820.511	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Hải Nam	3.827.066	
Công ty TNHH Ping Xiang Zhongqi & Exp Trade	12.074.492	
Cộng	20.722.069	

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tăng giảm số đã nộp năm trước	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.124.126.712)	6.534.376.787	(2.373.962.217)	254.826.880	3.291.114.738
Thuế thu nhập cá nhân	316.752.299	411.826.425	(404.232.075)	(254.826.880)	69.519.769
Các loại thuế khác		3.000.000	(3.000.000)		
Cộng	(807.374.413)	6.949.203.212	(2.781.194.292)		3.360.634.507

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		(1.124.126.712)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.360.634.507	316.752.299
<i>Trong đó thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay cho bên hợp tác kinh doanh</i>	<i>664.280.948</i>	
Cộng	3.360.634.507	(807.374.413)

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% đối với dịch vụ cung cấp nước sạch và 10% đối với các hoạt động còn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.224.175.604	35.336.511.299
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1.541.921.791)	(140.743.323)
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí không hợp lệ	101.745.099	57.078.000
Chênh lệch tỷ giá ghi nhận tiền và các khoản phải thu bằng ngoại tệ năm trước	90.164.051	
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền, phải thu ngắn hạn có gốc ngoại tệ cuối năm trước		(11.691.140)
Cổ tức lợi nhuận được chia	(1.632.000.000)	
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền, phải thu ngắn hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ này	(101.830.941)	(186.130.183)
Thu nhập tính thuế	26.682.253.813	35.195.767.976
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	5.870.095.839	7.743.068.955

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	5.207.196.662	2.417.295.986
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	4.139.000.330	2.417.295.986

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Chi phí thuê kho, văn phòng, bốc xếp</i>	<i>3.353.214.745</i>	<i>2.417.295.986</i>
<i>Chi phí giao nhận Cầu RTG tại Cảng Cát Lái</i>	<i>39.547.055</i>	
<i>Chi phí tư vấn phải trả Tổng công ty 6 tháng đầu năm 2015</i>	<i>746.238.530</i>	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân cảng Long Bình	775.731.455	
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	245.198.000	
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	45.016.877	
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	2.250.000	
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	3.028.780.174	2.797.916.261
Chi phí lãi vay phải trả	338.627.143	388.602.671
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	311.111.936	906.802.652
Chi phí trích trước sửa chữa kho bãi	1.012.866.810	1.012.866.810
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.366.174.285	489.644.128
Cộng	8.235.976.836	5.215.212.247

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn**15a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>27.000.000</i>	
Trung tâm Mạng lưới Mobifone Miền Nam	27.000.000	
Cộng	27.000.000	

15b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	<i>41.204.292.405</i>	<i>41.672.326.203</i>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long thuê cơ sở hạ tầng	41.204.292.405	41.672.326.203
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>85.795.900.493</i>	<i>50.830.539.895</i>
Công ty TNHH Tiến Nga thuê cơ sở hạ tầng	16.778.314.016	19.814.471.252
Công ty cổ phần Tiếp vận Long Bình thuê hạ tầng	69.017.586.477	31.016.068.643
Cộng	127.000.192.898	92.502.866.098

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>13.587.679.108</i>	<i>4.625.151.000</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	13.587.679.108	4.625.151.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả tiền thuê đất</i>	6.902.679.108	4.625.151.000
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	6.685.000.000	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	6.376.116.652	3.131.408.410
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.500.000	1.500.000
Kinh phí công đoàn	151.056.972	90.946.429
Bảo hiểm xã hội	471.471.879	218.909.189
Bảo hiểm y tế	95.828.027	52.706.433
Bảo hiểm thất nghiệp	16.152.900	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.849.688.176	2.030.561.976
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	840.000.000	263.789.206
Lãi vay phải trả bà Phạm Thị Kim Anh	39.583.334	39.583.334
Phải trả Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (hoạt động hợp tác kinh doanh)	2.355.177.908	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	555.657.456	433.411.843
Cộng	19.963.795.760	7.756.559.410

16b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	121.910.119.350	121.480.281.390
Nhận ký quỹ, ký cược	65.781.119.350	65.351.281.390
Công ty TNHH Pacorini Việt Nam	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình - phải trả tiền hợp tác kinh doanh dài hạn tại kho hàng	52.129.000.000	52.129.000.000
Cộng	121.910.119.350	121.480.281.390

17. Vay ngắn hạn/dài hạn**17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn các cá nhân	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<i>Vay Bà Phạm Thị Kim Anh ⁽ⁱ⁾</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	56.384.404.000	56.384.404.000	51.214.000.000	51.214.000.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú</i>	<i>49.384.404.000</i>	<i>49.384.404.000</i>	<i>45.414.000.000</i>	<i>45.414.000.000</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>7.000.000.000</i>	<i>5.800.000.000</i>	<i>5.800.000.000</i>
Cộng	66.384.404.000	66.384.404.000	61.214.000.000	61.214.000.000

⁽ⁱ⁾ Là khoản vay Bà Phạm Thị Kim Anh với lãi suất 5%/năm để xây dựng kho hàng, khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	10.000.000.000	51.214.000.000	61.214.000.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ			
Số kết chuyển từ vay dài hạn		30.177.404.000	30.177.404.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ		(25.007.000.000)	(25.007.000.000)
Cộng	10.000.000.000	56.384.404.000	66.384.404.000

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các ngân hàng	218.715.985.001	218.715.985.001	178.327.891.423	178.327.891.423
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội ⁽ⁱ⁾	166.021.076.460	166.021.076.460	126.075.783.175	126.075.783.175
Vay Ngân hàng Thương mại Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	52.694.908.541	52.694.908.541	52.252.108.248	52.252.108.248
Cộng	218.715.985.001	218.715.985.001	178.327.891.423	178.327.891.423

⁽ⁱ⁾ Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Anh Phú để tài trợ:

- ✓ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay có liên quan. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- ✓ Đầu tư mua 02 cầu khung bánh lốp Kalmar, thời gian vay 96 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa để đầu tư xây dựng nhà kho. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	66.384.404.000	51.214.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	129.798.368.060	130.166.610.637
Trên 5 năm	88.917.616.941	48.161.280.786
Cộng	275.100.389.001	229.541.891.423

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	178.327.891.423	128.526.540.060
Số tiền vay phát sinh	70.565.497.578	57.024.103.101
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(30.177.404.000)	
Số cuối kỳ	218.715.985.001	185.550.643.161

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.390.576.823	2.458.418.403	1.953.270.000		2.895.725.226
Quỹ phúc lợi	790.713.960	2.458.418.403	687.291.221	89.708.046	2.472.133.096
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		1.140.000.000	1.098.000.000		42.000.000
Cộng	3.181.290.783	6.056.836.806	3.738.561.221	89.708.046	5.409.858.322

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm	187.000.000.000	7.953.580.064	51.579.972.536	246.533.552.600
Lợi nhuận trong kỳ			22.354.079.765	22.354.079.765
Trích lập các quỹ trong kỳ		7.375.255.208	(13.432.092.014)	(6.056.836.806)
Chia cổ tức			(26.180.000.000)	(26.180.000.000)
Chia lãi hoạt động hợp tác kinh doanh năm 2014			(2.294.374.130)	(2.294.374.130)
Tăng khác ⁽ⁱ⁾			224.789.206	224.789.206
Số dư cuối kỳ	187.000.000.000	15.328.835.272	32.252.375.363	234.581.210.635

⁽ⁱ⁾ Là phần thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ của cổ đông từ các năm trước nhưng khoong phải nộp được Đại hội cổ đông ngày 24/4/2015 thông qua phương án tăng lợi nhuận sau thuế.

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	95.500.000.000	51,07	95.500.000.000	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	15.000.000.000	8,02	15.000.000.000	
Công ty Cổ phần Kho vận Giao nhận Ngoại thương Mộc An Châu	12.000.000.000	6,42	12.000.000.000	
Các cổ đông khác	64.500.000.000	34,49	64.500.000.000	
Cộng	187.000.000.000	100	187.000.000.000	

19c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	18.700.000	18.700.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	18.700.000	18.700.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	18.700.000	18.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 24 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
• Chia cổ tức năm 2014 cho các cổ đông (14%)	26.180.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển, dự phòng tài chính	7.375.255.208
• Trích quỹ khen thưởng	2.458.418.403
• Trích quỹ phúc lợi	2.458.418.403
• Trích khen thưởng Ban điều hành	1.140.000.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán***Ngoại tệ các loại***

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	346.986,18	930.575,23
Euro (EUR)	0,40	0,63

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ cho thuê kho và các dịch vụ đi kèm	109.228.435.345	111.956.039.490
Dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng	4.352.182.952	3.663.007.732
Doanh thu cho thuê cầu tại Cát Lái	4.950.000.002	
Cộng	118.530.618.299	115.619.047.222

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Dịch vụ cung cấp cho Công ty mẹ	5.651.585.859	10.048.211.800
Cho Công ty mẹ thuê cầu tại Cảng Cát Lái	4.950.000.002	
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	2.547.922.800	2.770.400.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	40.742.548	31.952.988
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	8.183.124	7.792.340
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng		
Cung cấp dịch vụ	13.800.000	86.800.000

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	71.871.509.141	62.404.432.884

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	290.171.859	491.760.522
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	29.516.375	87.321.399
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.632.000.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	317.958.761	26.196.398

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		13.068.083
Cộng	2.269.646.995	618.189.535
4. Chi phí tài chính	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	10.417.873.450	8.818.650.718
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	63.000	4.006.990
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	328.007.019	
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(661.384.400)	(373.120.000)
Chi phí tài chính khác	175.000.162	12.883.200
Cộng	10.259.559.231	8.462.420.908
5. Chi phí bán hàng	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.234.000	373.447.940
Các chi phí khác	83.050.000	
Cộng	329.284.000	373.447.940
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.392.006.612	5.198.898.302
Chi phí vật liệu quản lý	373.950.080	219.801.673
Chi phí đồ dùng văn phòng	400.428.345	187.877.868
Chi phí khấu hao tài sản cố định	732.258.486	649.748.418
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.675.032.276	1.547.438.113
Các chi phí khác	2.437.886.766	1.799.299.407
Cộng	10.014.562.565	9.606.063.781
7. Thu nhập khác	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền bán hồ sơ thầu		4.545.455
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	570.346	100
Cộng	570.346	4.545.555

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hỗ trợ đi đời	50.000.000	
Tiền ăn của Hải quan	51.745.000	57.078.000
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	99	27.500
Chi phí khác		1.800.000
Cộng	101.745.099	58.905.500

9. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

Thông tin về lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.916.839.093	2.612.000.664
Chi phí nhân công	14.452.148.769	12.625.520.377
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.181.153.564	11.906.752.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.954.848.882	42.676.431.978
Chi phí khác	2.710.365.398	2.563.239.124
Cộng	82.215.355.706	72.383.944.605

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	4.329.673.190	7.723.528.219
Trên 1 năm đến 5 năm	11.913.203.760	8.385.931.056
Trên 5 năm	110.784.315.948	76.393.406.828
Cộng	127.027.192.898	92.502.866.098

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong kỳ là 4.352.182.952 VND (cùng kỳ năm trước là 3.663.007.732 VND).

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	896.017.138	1.187.821.862
Tiền thưởng	211.145.913	585.607.620
Cộng	1.107.163.051	1.773.429.482

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng – Long Bình	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên ICD Tân Cảng – Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa Ốc Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2. Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
<i>Chi phí mua vật tư, dịch vụ</i>	<i>4.521.040.581</i>	<i>10.048.211.800</i>
<i>Tiền thu đất dài hạn</i>	<i>55.724.625.000</i>	
<i>Tiền thuế đất phải trả</i>		<i>4.167.436.128</i>
<i>Phải trả cổ tức năm trước</i>	<i>13.370.000.000</i>	<i>12.415.000.000</i>
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng		
<i>Sử dụng dịch vụ trong kỳ</i>	<i>325.871.531</i>	<i>252.323.923</i>
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng		
<i>Sử dụng dịch vụ trong kỳ</i>		<i>24.463.636</i>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái		
<i>Sử dụng dịch vụ trong kỳ</i>	<i>13.200.000</i>	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng		
<i>Sử dụng dịch vụ trong kỳ</i>	<i>1.393.189.776</i>	<i>2.078.047.751</i>
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép		
<i>Sử dụng dịch vụ trong kỳ</i>	<i>12.649.456</i>	
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
<i>Sử dụng dịch vụ trong kỳ</i>	<i>511.274.000</i>	<i>86.800.000</i>

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh cho thuê lại cơ sở hạ tầng.
- Lĩnh vực kinh doanh cho thuê kho và các dịch vụ đi kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thuê kho và dịch vụ đi kèm	Lĩnh vực thuê hạ tầng	Lĩnh vực cho thuê cầu tại Cát Lái	Cộng
Kỳ này				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	109.228.435.345	4.352.182.952	4.950.000.002	118.530.618.299
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	109.228.435.345	4.352.182.952	4.950.000.002	118.530.618.299
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	42.997.341.624	298.343.838	3.363.423.696	46.659.109.158
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(10.343.846.565)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				36.315.262.593
Doanh thu hoạt động tài chính				2.269.646.995
Chi phí tài chính				(10.259.559.231)
Thu nhập khác				570.346
Chi phí khác				(101.745.099)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5.870.095.839)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				22.354.079.765
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				165.227.799.677
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				22.166.603.787
	Lĩnh vực thuê kho và dịch vụ đi kèm	Lĩnh vực thuê hạ tầng	Cộng	
Kỳ trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	111.956.039.490	3.663.007.732		115.619.047.222

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực thuế kho và dịch vụ đi kèm	Lĩnh vực thuế hạ tầng	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	111.956.039.490	3.663.007.732	115.619.047.222
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	51.528.685.000	1.685.929.338	53.214.614.338
Các chi phí không phân bổ theo bộ phần			(9.979.511.721)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			43.235.102.617
Doanh thu hoạt động tài chính			618.189.535
Chi phí tài chính			(8.462.420.908)
Thu nhập khác			4.545.555
Chi phí khác			(58.905.500)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(7.743.068.955)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			27.593.442.344
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	114.329.072.031		114.329.072.031
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.665.384.328	724.487.692	14.389.872.020

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thuế kho và dịch vụ đi kèm	Lĩnh vực thuế hạ tầng	Lĩnh vực cho thuê cầu tại Cát Lái	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phần	687.431.944.821	82.850.489.319	61.103.652.382	831.386.086.522
Tài sản phân bổ cho bộ phần	33.711.108.876	1.343.211.709	1.527.715.640	36.582.036.225
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				32.838.210.000
Tổng tài sản				900.806.332.747
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	291.541.980.734	127.000.192.898	70.565.497.578	489.107.671.210
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	155.135.230.789	6.181.329.107	7.030.398.177	168.346.958.073
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				8.770.492.829
Tổng nợ phải trả				666.225.122.112

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực thuế kho và dịch vụ đi kèm	Lĩnh vực thuế hạ tầng	Cộng
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	522.038.680.569	34.994.730.997	557.033.411.566
Tài sản phân bổ cho bộ phận	184.660.178.065	12.378.648.360	197.038.826.425
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			32.476.778.167
Tổng tài sản			786.549.016.158
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	63.144.565.559	92.502.866.098	155.647.431.657
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	357.239.295.259	23.947.445.859	381.186.741.118
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			3.181.290.783
Tổng nợ phải trả			540.015.463.558

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh**4a. Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

4b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Việc áp dụng chế độ kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

5a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.194.735.593				21.194.735.593
Phải thu khách hàng	75.815.022.812			54.330.000	75.869.352.812
Các khoản phải thu khác	2.039.191.412				2.039.191.412
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.238.210.000				5.238.210.000
Cộng	104.287.159.817			54.330.000	104.341.489.817
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.478.886.007				45.478.886.007
Phải thu khách hàng	57.856.538.105			54.330.000	57.910.868.105
Các khoản phải thu khác	693.802.567				693.802.567
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				5.238.210.000	5.238.210.000
Cộng	104.029.226.679			5.292.540.000	109.321.766.679

5b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	66.384.404.000	129.798.368.060	88.917.616.941	285.100.389.001
Phải trả người bán	86.302.254.538			86.302.254.538
Các khoản phải trả khác	27.463.762.818			27.463.762.818
Cộng	180.150.421.356	129.798.368.060	88.917.616.941	398.866.406.357

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	61.214.000.000	130.166.610.637	48.161.280.786	239.541.891.423
Phải trả người bán	57.929.353.312			57.929.353.312
Các khoản phải trả khác	12.607.709.606			12.607.709.606
Cộng	131.751.062.918	130.166.610.637	48.161.280.786	310.078.954.341

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản tương đương tiền	5.202.838.100		18.299.984.600	
Vay và nợ	(285.100.389.001)		(239.541.891.423)	
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(279.897.550.901)		(221.241.906.823)	

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 4.366.401.794 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 3.713.725.885 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 5.238.210.000 VND (số đầu năm là 4.576.825.600 VND).

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

5d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2015.

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.194.735.593	45.478.886.007	21.194.735.593	45.478.886.007
Phải thu khách hàng	75.869.352.812	57.910.868.105	75.815.022.812	57.856.538.105
Các khoản phải thu khác	2.039.191.412	693.802.567	2.039.191.412	693.802.567
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.238.210.000	5.238.210.000	5.238.210.000	4.576.825.600
Cộng	104.341.489.817	109.321.766.679	104.287.159.817	108.606.052.279
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	285.100.389.001	239.541.891.423	285.100.389.001	239.541.891.423
Phải trả người bán	86.302.254.538	57.929.353.312	86.302.254.538	57.929.353.312
Các khoản phải trả khác	27.463.762.818	12.607.709.606	27.463.762.818	12.607.709.606
Cộng	398.866.406.357	310.078.954.341	398.866.406.357	310.078.954.341

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: G243, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác dài hạn.

Lập, ngày 11 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu



Lê Quỳnh Quang

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Khiêm



Giám đốc

Phạm Văn Long